TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Đỗ Thanh Tuyến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 436/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975;
Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.
(bà G và ông H vắng mặt, ông bà có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bà đã dọn ra ở riêng gần một năm nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc. Vì vậy, bà xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Song L, sinh ngày 24/4/2004 và Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 09/12/2013. Song L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu

được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 09/12/2013. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không tranh chấp.

- Về nợ chung: Không có.

Vì bận việc gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như bà G trình bày trong đơn khởi kiện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại ấp 12, xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 2/2023 thì bà G dẫn con gái về ấp 11, xã Hưng Lễ sinh sống. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nhỏ trong cuộc sống, vợ chồng có tranh cãi qua lại. Ông không vướn tệ nạn xã hội, không vũ phu quá đáng với vợ. Bà G đã bỏ về nhà mẹ ruột cất nhà ở từ tháng 04/2023 đến nay. Hiện tại ông còn thương vợ con, không muốn ly hôn, ông nhiều liên hệ để yêu cầu bà G trở về, vợ chồng hàn gắn nhưng bà G không đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Song L, sinh ngày 24/4/2004 và Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 09/12/2013. Song L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T cho bà G trực tiếp nuôi con. Ông không yêu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không tranh chấp.

- Về nợ chung: Không có.

Do bận việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bà G thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, ông H không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 09/12/2013 cho bà G nuôi. Riêng con chung Nguyễn Song L đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết. Ghi nhận bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà G khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông H. Ông H đang cư trú tại xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà G và ông H có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G và ông H.

[2] Về hôn nhân: Theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do bà G cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ chứng nhận kết hôn cho bà G và ông H vào ngày 25/12/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới nhau, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà G đã dọn ra ở riêng gần một năm nay, ông bà không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Từ lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông bà không có đề nghị địa phương hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân hạnh phúc, bền vững phải được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tình cảm yêu thương của vợ và chồng. Ông H cho rằng không muốn ly hôn, ông nhiều lần đề nghị bà G quay về để vợ chồng hàn gắn nhưng bà G không đồng ý. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của bà G là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Song L, sinh ngày 24/4/2004 và Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 09/12/2013. Bà G yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Huỳnh T, ông G cũng đồng ý. Đồng thời nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được ở với bà G. Do đó xét yêu cầu xin nuôi con chung của bà G là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Song L đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Bà G và ông H đều thống nhất tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà G phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc G, cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc G được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 09/12/2013 cho bà Nguyễn Thị Trúc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Trúc G không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc G có nghĩa vụ nộp án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001574 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận bà G đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan